

TÌM HIỂU VỀ PHÂN LOẠI TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ MÃ SỐ QUỐC TẾ

Nguyễn Sinh Thành

Trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng

Tóm tắt: Phân loại tạp chí và mã số quốc tế là vấn đề rất quan trọng, có ý nghĩa trong việc xác định, đánh giá chất lượng khoa học của bài báo được đăng hay cuốn sách được xuất bản theo chuẩn quốc tế. Bài báo cung cấp một số thông tin cơ bản về phân loại, mã số và địa chỉ trang điện tử của tạp chí và sách; cũng như việc nâng cấp theo tiêu chuẩn quốc tế của các trường đại học ở Việt Nam.

Từ khóa: Phân loại tạp chí, mã số quốc tế, chỉ số ảnh hưởng, số lần trích dẫn

Abstract: The classification of journals and international codes is very important, meaningful in determining and evaluating the scientific quality of articles or books published according to international standards. The article provides some basic information on the classification, code and website addresses of journals and books; as well as upgrading to international standards of universities in Vietnam.

Keywords: Classification of journals, international codes, impact factors, citation index.

Chất lượng của các tạp chí chủ yếu được đánh giá dựa trên qui trình kiểm duyệt để đăng bài và các thống kê về chỉ số được trích dẫn của các bài báo đăng trên tạp chí đó thông qua **chỉ số ảnh hưởng khoa học**. Các chỉ số khoa học công bố được các tổ chức xếp hạng đại học sử dụng để đánh giá số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học và xếp hạng các trường đại học trên thế giới, cũng như cá nhân nhà khoa học.

Trên thế giới có nhiều hệ thống xếp hạng các tạp chí, trong đó hiện nay có hai nhóm phân loại uy tín và tin cậy nhất được cộng đồng khoa học công nhận trên thế giới. Phân loại theo Viện Thông tin khoa học Hoa Kỳ (*Institute for Scientific Information*, thường gọi là ISI) và theo cơ sở dữ liệu Scopus (Hà Lan).

1. ISI

Viện Thông tin Khoa học (ISI) của Mỹ (<https://www.isi.edu/>) đã đề xuất sự phân loại, xét chọn chất lượng các tạp chí trên thế giới một cách khắt khe và kỹ lưỡng để đưa vào cơ sở dữ liệu của họ và được thừa nhận rộng rãi. Chỉ số ISI đang được dùng như một thước đo quan trọng để đánh giá chất lượng nghiên cứu,

trong đó có Việt Nam. Mặc dù vẫn còn có những ý kiến chưa thống nhất, nhưng ISI vẫn là một trong rất ít cách phân loại được thừa nhận và sử dụng rộng rãi khi bàn luận về chất lượng khoa học của các công trình nghiên cứu. Liên hợp quốc, các Chính phủ và các tổ chức quốc tế thường sử dụng thống kê của ISI trong quản lý và hoạch định các chính sách khoa học, kỹ thuật...

Lúc đầu vào năm 1960, ISI chỉ bao gồm tập hợp SCI - *Science Citation Index* - tạm dịch là Chỉ số Trích dẫn Khoa học, là một danh sách các tạp chí xây dựng dựa trên tần suất trích của các bài báo đăng trong đó. Danh sách này do ISI lần đầu tiên công bố vào năm 1960, gồm có khoảng 4.000 tạp chí khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ, có chất lượng cao nhất trên thế giới, bao trùm 100 lĩnh vực khác nhau. Một phiên bản dài hơn của SCI là SCIE - *Science Citation Index Expanded* - Chỉ số Trích dẫn Khoa học Mở rộng cũng được công bố gồm có trên 7.000 tạp chí của 150 lĩnh vực. Sau đó, ISI bao hàm cả SSCI - *Social Science Citation Index* - Chỉ số Trích dẫn Khoa học Xã hội và

AHCI - *Arts & Humanities Citation Index* - Chỉ số Trích dẫn Khoa học Nghệ thuật và Nhân văn. Như vậy, ISI bao gồm tập hợp các tạp chí trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và công nghệ (SCI, SCIE), khoa học xã hội (SSCI) và Khoa học Nghệ thuật và Nhân văn (AHCI). Hay nói cách khác, $ISI = SCI/SCIE + SSCI + AHCI$, gồm hơn 14.000 tạp chí khoa học có chất lượng cao, trong tổng số hàng trăm nghìn tạp chí trên thế giới hiện nay.

- Danh sách các tạp chí thuộc nhóm SCI:

<http://science.thomsonreuters.com/cgi-bin/jrnlst/jlsubcatg.cgi?PC=K>

- Danh sách các tạp chí thuộc nhóm SCIE:

<http://www.thomsonscientific.com/cgi-bin/jrnlst/jlresults.cgi?PC=D>

- Danh sách các tạp chí thuộc nhóm SSCI:

<http://www.thomsonscientific.com/cgi-bin/jrnlst/jlresults.cgi?PC=J>

- Danh sách các tạp chí thuộc nhóm AHCI:

<http://ip-science.thomsonreuters.com/cgi-bin/jrnlst/jloptions.cgi?PC=H>

Bài báo nếu được SCI chấp nhận, tác giả kiểm tra ở:
http://apps.webofknowledge.com/UA_GeneralSearch_input.do?product=UA&search_mode=GeneralSearch&SID=3BpTcDcd53egNAgSEwD&preferencesSaved=

2. SCOPUS

Bên cạnh phân loại ISI, nhiều tổ chức xếp hạng thế giới, ví dụ như Tổ chức xếp hạng các cơ sở nghiên cứu khoa học SCIMAGO (<http://scimagojr.com>) hoặc Tổ chức xếp hạng đại học (QS World University Rankings, <http://www.topuniversities.com...>) còn sử dụng cơ sở dữ liệu từ nguồn Scopus.

Scopus được xây dựng từ tháng 11/2004 của Elsevier (Hà Lan), là một **cơ sở dữ liệu** thư mục chứa bản tóm tắt và trích dẫn các bài báo khoa học. Scopus có chứa 57 triệu bản tóm tắt, gần 22.000 danh mục từ hơn 5.000 nhà xuất bản, trong đó 30.000 là tập san đánh giá chuyên ngành trong khoa học, kỹ thuật, y tế, và xã hội (bao gồm cả nghệ thuật và nhân văn).

Scopus dành cho thuê bao trực tuyến, có trả phí. Scopus cho phép cán bộ thư viện liên kết trực tiếp đến các văn bản đầy đủ có trong Scopus, nhờ đó các viện có thể truy cập trực tiếp vào hệ thống thư viện của họ. Các tùy chọn tìm kiếm được tích hợp vào Scopus, kết hợp với các chỉ số tìm kiếm khác nhau. Một Download Manager cung cấp quyền truy cập vào toàn văn các bài báo, cũng có chức năng cho việc tạo tự động các thư mục có sẵn.

Để được liệt kê vào danh sách Scopus, các tạp chí cũng được lựa chọn nghiêm ngặt. Số lượng tạp chí nằm trong Scopus gần gấp đôi số lượng nằm trong ISI, nhưng không bao gồm tất cả mà chỉ chứa khoảng 70% số lượng tạp chí của ISI. Tuy nhiên, nguồn Scopus chỉ bao gồm các bài báo xuất bản từ năm 1995 trở lại đây. Theo số liệu có hơn 2.800 cơ sở nghiên cứu mạnh ở trên thế giới, Việt Nam chúng ta đã có tên 3 đơn vị: Viện Khoa học - Công nghệ Việt Nam, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh và Đại học Quốc gia Hà Nội.

Danh sách các tạp chí thuộc nhóm SCOPUS - 2016:

https://files.sciverse.com/documents/xlsx/titles_list.xlsx hoặc:

<https://www.elsevier.com/solutions/scopus/content>

Để kiểm biết một tạp chí có trong danh mục Scopus hay không, tác giả vào kiểm tra tại <https://www.elsevier.com/solutions/scopus/content> hoặc kiểm tra nhanh hơn bằng cách vào trang Scimago <http://www.scimagojr.com/>.

Ngoài ra, cũng có thể tham khảo một số link dưới đây để tra cứu danh mục các tạp chí uy tín của các nhà xuất bản hàng đầu và các trường đại học nổi tiếng trên thế giới:

Nhà xuất bản Springer: truy cập địa chỉ sau:
<http://www.springer.com/gp/products/journals>

Nhà xuất bản Oxford University Press: truy cập <https://academic.oup.com/journals/>

Nhà xuất bản Cambridge University Press: truy cập <https://www.cambridge.org/core>

Danh sách 100 trường Đại học hàng đầu thế giới theo xếp hạng của Times Higher Education World University Rankings năm 2016 - 2017: truy cập https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/2017/world-ranking#!/page/0/length/25/sort_by/rank/sort_order/asc/cols/stats

Tính đến ngày 21/3/2016, Việt Nam có 356 tạp chí khoa học được đưa vào danh mục tạp chí tính điểm của Hội đồng Chức danh giáo sư Nhà nước. Trong số đó, chỉ có một tạp chí *Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology* (ANSN) của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VHLKH&CNVN) được vào danh sách SCIE cuối năm 2015, hai tạp chí *Vietnam Journal of Mathematics* của Hội Toán học Việt Nam và *Acta Mathematica Vietnamica* của VHLKH&CNVN được vào danh sách Scopus.

3. CHỈ SỐ ẢNH HƯỞNG KHOA HỌC

Khi xếp hạng các tạp chí người ta thường dựa vào các chỉ số đo chất lượng khoa học của tạp chí, chẳng hạn như chỉ số ảnh hưởng IF (*Impact Factor*) và chỉ số H (*H-index*). IF là chỉ số trích của tạp chí, H-Index là chỉ số ảnh hưởng của cá nhân nhà khoa học. Rất khó đánh giá chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học, vì cộng đồng khoa học vẫn chưa nhất trí một chuẩn mực thống nhất cho tất cả các lĩnh vực nghiên cứu. Tuy nhiên, hai chỉ số này có quan hệ với nhau, thường được sử dụng để ước định chất lượng của một công trình nghiên cứu khoa học là chỉ số ảnh hưởng và số lần trích dẫn (citation index).

- **Chỉ số ảnh hưởng của một Tạp chí (IF):** Chỉ số ảnh hưởng IF là số lần trích dẫn hay tham khảo trung bình các bài báo mà tạp chí đã công bố hai năm trước. Những công trình nghiên cứu được công bố trên các tạp chí có chỉ số ảnh hưởng cao thường có chất lượng khoa học cao. Tuy nhiên, chỉ số ảnh hưởng của tạp chí cũng còn phụ thuộc vào các ngành khoa học khác nhau.

Chỉ số ảnh hưởng (IF) là thông số được tính hàng năm cho mỗi tạp chí, nó thể hiện rằng các bài trong tạp chí đó được trích dẫn nhiều hay ít.

Thông số này được tính hàng năm và thay đổi theo thời gian, có khi biến động rất lớn. Chỉ số ảnh hưởng của một tạp chí trong năm N được tính bằng tổng số lần các bài báo trong tạp chí đó được trích dẫn trong 2 năm trước N (tức là N-1 và N-2) chia cho tổng số bài báo trong hai năm đó. Chẳng hạn, nếu một tạp chí A có tất cả 100 bài trong hai năm 2015 và 2016 và được trích dẫn tổng cộng 170 lần thì hệ số ảnh hưởng của năm 2017 sẽ là $IF(2017) = 170/100 = 1,7$.

Chỉ số ảnh hưởng cho biết uy tín và chất lượng của tạp chí. Chỉ số này càng cao thì tạp chí càng có uy tín và càng khó để có bài được đăng trên tạp chí này. Một bài báo được đăng trên một tạp chí có chỉ số ảnh hưởng cao sẽ được đánh giá cao, dễ được đọc và được trích dẫn hơn. Một nhà khoa học đăng được bài trên tạp chí chất lượng và bài báo được trích dẫn nhiều sẽ được đánh giá cao.

- **Chỉ số ảnh hưởng của cá nhân nhà khoa học (H-Index):** Năm 2005, nhà vật lý người Mỹ Jorge Hirsch (Đại học California) đã đưa thêm chỉ số H (*H-index*) để đánh giá các kết quả khoa học và làm cơ sở so sánh đóng góp khoa học của các nhà khoa học khác nhau, trong cùng lĩnh vực. Một nhà khoa học có chỉ số H nếu trong số N công trình của ông ta có H công trình khoa học ($H < N$) có số lần trích dẫn của mỗi bài đạt được từ H trở lên. Như vậy, chỉ số H chứa đựng được cả hai thông tin: số lượng (số các bài báo được công bố) và chất lượng, tầm ảnh hưởng (số lần được các nhà khoa học khác trích dẫn) của hoạt động khoa học.

4. PHÂN BIỆT MÃ SỐ ISSN CHO TẠP CHÍ VÀ MÃ SỐ ISBN CHO SÁCH

ISSN - *International Standard Serial Number* - Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ (XBPNK), một mã được công nhận trên phạm vi toàn thế giới nhằm xác định nhan đề của các XBPNK. Khi đã có chỉ số ISSN, thì tạp chí sẽ được quốc tế thừa nhận chính thức và giới thiệu trên quy mô toàn cầu, hay nói nôm na là đã có "thẻ căn cước" để đi lại trong "làng" thông tin toàn cầu. Nhưng ISSN không liên quan đến việc bảo vệ quyền sở hữu,

bản quyền hoặc bảo vệ nhan đề của XBPNK với các nhà xuất bản khác. Khác với sự xét chọn và phân loại theo chất lượng tạp chí khoa học của ISI hoặc Scopus, chỉ số ISSN của một tạp chí không liên quan đến **chất lượng khoa học** của các bài báo được đăng ở trong đó.

Danh sách ISSN này bao hàm và rộng hơn rất nhiều so với danh sách ISI và Scopus. Hiện nay, danh sách ISI bao gồm khoảng 14.000, Scopus bao gồm hơn 30.000 tạp chí về Khoa học tự nhiên, Công nghệ, Kỹ thuật, Y, Dược và Khoa học xã hội. Danh sách ISSN bao gồm khoảng 1,3 triệu tên XBPNK. Thế nhưng ở Việt Nam vẫn còn một số tạp chí chưa đăng ký để có chỉ số ISSN. Từ năm 2012, chỉ những bài báo khoa học được đăng ở các tạp chí có chỉ số ISSN mới được Hội đồng Chức danh giáo sư các cấp xem xét, tính điểm. Từ ngày 11/3/2005, Việt Nam chính thức được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hiệp quốc (*United Nations Educational Scientific and Cultural Organization - UNESCO*) chấp nhận là quốc gia thành viên của Mạng lưới ISSN quốc tế. Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ được chỉ định là Trung tâm ISSN quốc gia của Việt Nam, trực tiếp tổ chức và thực hiện việc đăng ký và cấp Mã số chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ trên lãnh thổ Việt Nam (<http://www.vista.gov.vn/Default.aspx?tabid=93&IntroId=241&temidclicked=241>).

Ngày 07/11/2017, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Thể thao của Trường Đại học TDTT Đà Nẵng được cấp mã số chuẩn quốc tế ISSN 2588-1345. Như vậy, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Thể thao của nhà trường sẽ nằm trong Danh mục các chuyên ngành và tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Chức danh giáo sư ngành, liên ngành hằng năm; phân theo nhóm là Nhóm Tạp chí áp dụng cho chuyên ngành Thể dục thể thao (Điểm công trình thường được tính là 0 - 0,5).

ISSN là một dãy số độc nhất gồm tám chữ số, được dùng để nhận dạng một xuất bản phẩm nhiều kỳ dạng giấy in hoặc điện tử như tạp chí định kỳ, tạp chí chuyên khảo, báo, bản tin, xuất

bản phẩm thông tin, niên giám, báo cáo thường niên, kỷ yếu hội nghị hay hội thảo, phụ trương hay phụ bản của các xuất bản phẩm nhiều kỳ. Nhiều xuất bản phẩm có ở cả hai dạng in và điện tử nên được ISSN xếp vào hai loại là: ISSN in (p-ISSN) và ISSN điện tử (e-ISSN hay eISSN). Hệ thống ISSN được phác thảo như một tiêu chuẩn quốc tế của Tổ chức Quốc tế về Tiêu chuẩn hoá (*International Organization for Standardization - ISO*) vào năm 1971 và được ấn hành với tên gọi ISO 3297 vào năm 1975. ISSN gồm tám chữ số, được phân cách làm hai phần (mỗi phần gồm bốn chữ số) bởi một dấu gạch nối. Chữ số cuối (có thể là một trong các chữ số từ 0 đến 9 hoặc chữ cái X) là chữ số kiểm tra. Ví dụ, ISSN của Tạp chí Khoa học và Đào tạo Thể thao của Trường Đại học TDTT Đà Nẵng là 2588-1345, trong đó chữ số kiểm tra là 5.

Có thể dùng thuật toán sau để tính ra chữ số kiểm tra:

Lấy mỗi chữ số trong bảy chữ số đầu của ISSN nhân với số chỉ vị trí của nó trong dãy số (tính từ bên phải sang), sau đó tính tổng các tích này. Trong ví dụ ISSN nêu trên, bảy chữ số đầu là 0, 8, 6, 8, 3, 9 và 9. Số chỉ vị trí của chúng (tính từ bên phải sang) lần lượt là 8, 7, 6, 5, 4, 3, và 2. Như vậy:

$$2.8 + 5.7 + 8.6 + 8.5 + 1.4 + 3.3 + 4.2 = 16 + 35 + 48 + 40 + 4 + 9 + 8 = 160$$

Tiếp theo, lấy mô-đun 11 của tổng này, tức là lấy tổng này chia cho 11 để tìm số dư. $160 : 11 = 14$ dư 6. Nếu là phép chia hết (số dư bằng 0) thì chữ số kiểm tra sẽ là 0. Nếu phép chia có dư thì lấy 11 trừ đi số dư để tính ra chữ số kiểm tra, trong ví dụ này là: $11 - 6 = 5$. 5 là chữ số kiểm tra.

Chữ X in hoa dùng trong trường hợp chữ số kiểm tra được tính ra là 10.

Để xác nhận chữ số kiểm tra, lấy từng chữ số trong cả tám chữ số của ISSN rồi nhân với số chỉ vị trí của nó (vẫn tính từ bên phải sang; X tương ứng với giá trị 10). Mô-đun 11 của tổng sẽ bằng 0 nếu tính đúng.

ISBN - International Standard Book Number - Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho sách,

là mã số tiêu chuẩn quốc tế để xác định một quyển sách. Năm 1966 ở Anh, các nhà phân phối sách và văn phòng phẩm W.H. Smith cùng bạn bè tạo một hệ thống mã cho sách, ban đầu được gọi là Mã số tiêu chuẩn - *Standard Book Numbering* cho sách hay SBN.

Năm 1967, Công ty TNHH J. Whitaker & Son tại Anh và Công ty R.R.Bowker tại Mỹ năm 1968 giới thiệu các hệ thống mẫu về mã số sách. Năm 1968, phát triển từ những sáng kiến này, Tổ chức Quốc tế về Tiêu chuẩn hoá - ISO thành lập một tổ chức hoạt động đánh giá tính khả thi của việc thiết lập và ứng dụng hệ thống quốc tế về mã số sách ISBN. Năm 1970, ISO phê chuẩn Mã Số Sách chuẩn Quốc tế ISBN đạt Tiêu chuẩn ISO 2108, và được sửa đổi vào những năm 1978, 1992 và 2005.

Mã số ISBN có 10 chữ số, có dạng như sau: ISBN 0-306-40615-2. Các thành phần của mã số ISBN khi đó gồm: 4 chữ ISBN/ Mã quốc gia/ nhóm ngôn ngữ (0)/ Mã nhà xuất bản (306) / Mã xuất bản phẩm (40615)/ Mã kiểm tra (2). Các mã cách nhau bởi dấu gạch ngang. Trong nhiều năm, mã này được các nhà xuất bản, nhà phát hành và hệ thống thư viện trên thế giới thừa nhận và tham gia. Hầu hết các sách trên thế giới khi in ra đều có mã ISBN. Khi internet phát triển, việc mua bán sách trên mạng cũng dựa trên mã số ISBN này.

Tuy nhiên, mã ISBN lúc đó có một nhược điểm lớn, đó là không thể chuyển thành mã vạch, do đó không thể đọc được bằng các máy đọc mã vạch như các mã vạch EAN-13 (Hệ thống đánh số sản phẩm châu Âu - *The European Article Numbering system*) của Tổ chức Mã số Mã vạch quốc tế - GS1 trên các loại hàng hoá khác, không thích ứng với xu hướng bán kiểu siêu thị, mỗi thu ngân sử dụng máy đọc mã vạch để tính tiền. ISBN nghĩ ra cách khắc phục nhược điểm này bằng cách thêm vào 3 chữ số cho đủ 13 chữ số để có thể hoà đồng vào hệ thống Mã số mã vạch theo chuẩn EAN-13 với 13 chữ số đang rất thông dụng cho các loại hàng hoá nói chung. GS1 cho phép ISBN

thêm 3 chữ số 978 hoặc 979 vào trước dãy 10 chữ số của ISBN cho đủ 13 chữ số. Khi đó, ISBN cũng có thể dễ dàng chuyển thành mã vạch để có thể đọc bằng các máy đọc mã vạch. Vậy là ISBN “đời mới” ra đời, gọi là ISBN 13, có người gọi là ISBN tích hợp mã số mã vạch. Tiêu chuẩn ISO 2108 cũng được sửa đổi cho phù hợp (ISO 2108: 2005).

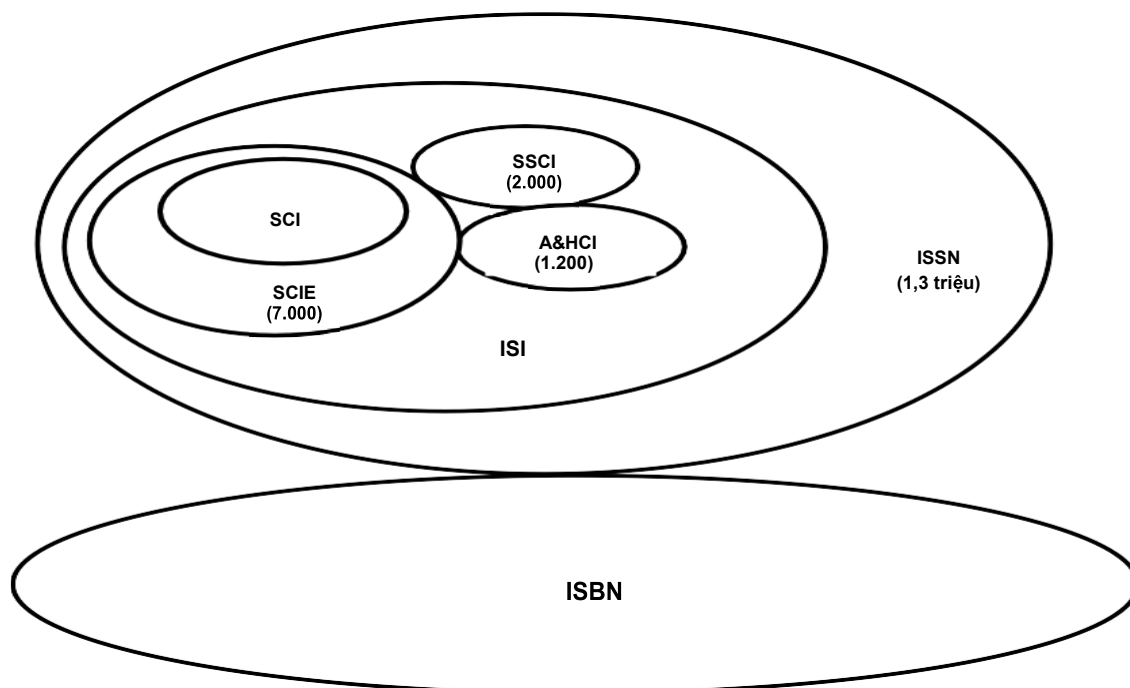
Trên cơ sở đó, năm 2007, Việt Nam cho ra đời TCVN 6380: 2007 Thông tin và tư liệu - Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho sách (ISBN). Việt Nam cũng đã chính thức gia nhập ISBN quốc tế, và được cấp mã quốc gia là 604. Như vậy, các sách xuất bản tại Việt Nam có mã ISBN đều sẽ có các con số đầu là 978 rồi đến 604, tiếp theo là mã Nhà xuất bản, mã Xuất bản phẩm, và cuối cùng là số kiểm tra. Phương pháp tính số kiểm tra và phương pháp tạo mã vạch hoàn toàn giống như đối với mã số mã vạch EAN-13, chỉ có khác là cách thể hiện: phía trên phần mã vạch có thêm một dòng mã ISBN dạng số, trong đó có dấu gạch ngang giữa các thành phần của mã.

Ở Việt Nam mã Nhà xuất bản sẽ có 1, 2 hoặc 3 con số, và tương ứng sẽ có mã Xuất bản phẩm cho mỗi nhà xuất bản là 5, 4 hoặc 3 con số (tức 100.000, 10.000 hoặc 1.000 sản phẩm, kể cả mã bắt đầu bằng số 0). Hiện nay các nhà xuất bản Việt Nam đã được cấp mã Nhà xuất bản, song số sản phẩm đăng ký cấp mã ISBN chưa nhiều. Trên thế giới, khái niệm và việc đăng ký mã số ISBN cho sách được bắt đầu từ những năm 1966-1970 và đã trở thành thông lệ, còn ở ta mới từ năm 2007. Đây là việc làm tuy nhỏ nhưng lại cần thiết để chuẩn hoá công việc xuất bản và hội nhập quốc tế. Trong tương lai gần, Hội đồng Chức danh giáo sư các cấp chỉ xem xét tính điểm những cuốn sách khoa học đã được xuất bản nhưng có mã số ISBN. Việc đăng ký mã số chuẩn quốc tế ISBN được thực hiện tại: Cục Xuất bản, In và Phát hành, Bộ Thông tin và Truyền thông, số 10, Đường Thành, Hà Nội (<https://ppdvn.gov.vn/web/guest/ke-hoach-xuat-ban>).

KẾT LUẬN

Để dễ hình dung, theo tác giả Trần Văn Nhung phác hoạ sơ đồ mô tả sự phân loại

tạp chí khoa học theo ISI và chỉ số ISSN đối với tạp chí, ISBN đối với sách như sau:



Việt Nam đang hội nhập giáo dục sâu rộng, trong đó có các tạp chí, sách của các trường đại học nói chung và Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng nói riêng. Các tạp chí và sách không thể đứng ngoài quỹ đạo hội nhập các tiêu chuẩn quốc tế. Nếu không có sự chuẩn bị, không có

định hướng thì không bao giờ xây dựng được những tạp chí, sách của chúng ta theo chuẩn quốc tế. Điều này đòi hỏi các nhà khoa học không ngừng nghiên cứu, tìm tòi và sáng tạo để tạo ra những sản phẩm chất lượng, góp phần vào tiến trình hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Nhung (2016), “Một vài thông tin về mã số chuẩn quốc tế cho tạp chí và sách, về sự phân loại tạp chí khoa học và cách trình bày một bài báo trong tạp chí khoa học”, *Tài liệu hướng dẫn xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2016*, Nxb Bách khoa, Hà Nội.
2. Kim Ngọc (2016), “*Tiêu chuẩn quốc tế của tạp chí khoa học và việc áp dụng tại Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam, Vol. 5, No. 8.
3. <https://www.isi.edu>
4. [4.http://mjl.clarivate.com/](http://mjl.clarivate.com/)
5. <https://clarivate.com/products/web-of-science/web-science-form/web-science-core-collection/>
6. <http://masomavach.vn/cong-nghe/cong-nghe/>
7. <http://www.gs1vn.org.vn/default.aspx...334&itemid=365>
8. <https://www.scopus.com/home>
9. http://vass.gov.vn/noidung/anpham/Lists/ThamKhaoTapChi/View_Detail.aspx